|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 351/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 03 tháng 3 năm 2022 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND**

**ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu**

**kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 248/SKHĐT-TH ngày 28/02/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh một số chỉ tiêu tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 như biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các chỉ tiêu khác không điều chỉnh tại Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU**

**TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2388/QĐ-UBND**

**NGÀY 08/12/2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số 351/QĐ-UBND*

*ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Chỉ tiêu giao tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh** | **Chỉ tiêu sau**  **điều chỉnh** |
| 1 | Biểu 06 - Chỉ tiêu “Tỷ lệ ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị trên địa bàn tỉnh” | % | 40 | 25 |
| 2 | Biểu 10 - Chỉ tiêu “Dạy nghề: Tổng số học sinh đào tạo” | Người | 6.015 | 6.000 |
|  | Trong đó: |  |  |  |
| - | Trường Cao đẳng Bắc Kạn | Người | 440 | 340 |
| *+* | *Trình độ cao đẳng* | *Người* | *160* | *60* |
| *+* | *Trình độ trung cấp* | *Người* | *280* | *280* |
| - | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Người | 5.575 | 5.660 |
| *+* | *Riêng đào tạo nghề cho lao động nông thôn* | *Người* | *3.000* | *3.000* |
| 3 | Biểu 13 - Chỉ tiêu “Tỷ lệ ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị trên địa bàn tỉnh” | % | 40 | 25 |